TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 12 - 2022
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vinh và ông Hoàng Công Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1977; nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Ch trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 9 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh Ch thừa nhận là do Anh ham chơi, không lo lắng làm ăn, không chăm sóc vợ con, vì vậy chị V mang theo con bỏ đi vào khoảng tháng 8/2008, từ đó đến nay Anh và chị V có liên lạc qua điện thoại, nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh yêu cầu Tòa

án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu Hương, sinh ngày 30/01/2002; từ trước tới nay con chung ở với chị V, Anh không có điều kiện để nuôi dưỡng con, nên giờ Anh đề nghị chị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Ch không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2022 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu Ch kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ch ham chơi, rượu chè, cờ bạc, không chịu làm ăn. Chị có động viên anh Ch đi là ăn kinh tế mới để thay đổi môi trường sống nhưng anh Ch không chịu mà còn xúc phạm Chị. Vì không sống chung được nữa nên Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng ly thân nhau vào năm 2008, từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của anh Nguyễn Hữu Ch.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 30/01/2022, hiện con đã trưởng thành, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Hữu Ch có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị V, đây là tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chị Nguyễn Thị V có nơi cư trú tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Hữu Ch có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Ch.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Hữu Ch và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của các đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Ch và chị V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ly thân nhau đã lâu. Anh, Chị đều xác định tình cảm không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa anh Ch và chị V là có thật, làm cho hôn nhân hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hữu Ch, xử cho anh Nguyễn Hữu Ch được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

[2.2] Về quan hệ con chung: anh Nguyễn Hữu Ch và chị Nguyễn Thị V đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 30/01/2002, hiện con chung đã trưởng thành, đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Anh, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Nguyễn Hữu Ch và chị Nguyễn Thị V đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; các khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 8, khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về "mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu Ch.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Hữu Ch, xử cho anh Nguyễn Hữu Ch được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62, ngày 01/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu Ch chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp trước đây tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003457 ngày 10 tháng 10 năm 2022; anh Nguyễn Hữu Ch đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án, bị đơn có quyền làm đơn kháng án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/12/2022).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Anh Đức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Tam Hồng, Yên Lạc, Vĩnh Phúc (NĐKKH: 01/9/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.